

**Phụ lục I**  
**ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG CỦA**  
**HÃNG HÀNG KHÔNG, NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BAY VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**“Phụ lục II**  
**CHƯƠNG TRÌNH AN NINH HÀNG KHÔNG**  
**HÃNG HÀNG KHÔNG/NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BAY VIỆT NAM**  
*... (tên hãng hàng không/người khai thác tàu bay)*

*Mục lục*

*Danh mục sửa đổi, bổ sung chương trình*

*Danh sách phân phối tài liệu*

*Chữ viết tắt*

**Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG**

- Mục đích, phạm vi áp dụng.
- Các văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ xây dựng chương trình.
- Giải thích từ ngữ.
- Chính sách an ninh hàng không của hãng.
- Xây dựng, sửa đổi, phân phối, sử dụng và kiểm soát chương trình.
- Phân loại, quản lý tài liệu an ninh hàng không hạn chế.
- Mô tả tổ chức và hoạt động của hãng hàng không.

Khái quát về hoạt động của hãng hàng không, đặc điểm, trụ sở, các văn phòng đại diện, số lượng tàu bay, đường bay, hành khách vận chuyển... và hoạt động của hãng để liên hệ đến những vấn đề an ninh hàng không.

**Chương II. TỔ CHỨC VÀ TRÁCH NHIỆM BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG**

- Hệ thống tổ chức bảo đảm an ninh hàng không
  - Mô tả hệ thống tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của hãng.
  - Tiêu chuẩn cán bộ, nhân viên an ninh hàng không của hãng.
  - Sơ đồ tổ chức, danh sách hệ thống tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của hãng.
- Trách nhiệm bảo đảm an ninh hàng không
  - Người chịu trách nhiệm trực tiếp chuyên trách bảo đảm an ninh hàng không.
  - Phòng (ban) an ninh hàng không
    - Trưởng phòng (ban), Phó Trưởng phòng (ban) an ninh hàng không.

- Các chuyên viên, cán sự, nhân viên thuộc phòng (ban) an ninh hàng không.

- Sơ đồ tổ chức của phòng (ban) an ninh hàng không.

### 2.3. Tổ bay

- Người chỉ huy tàu bay.

- Lực lượng an ninh trên không.

- Thành viên tổ bay khác.

2.4. Đại diện của hãng tại cảng hàng không.

2.5. Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

3. Công tác báo cáo, thống kê an ninh hàng không.

4. Kinh phí bảo đảm an ninh hàng không.

## **Chương III. CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT AN NINH PHÒNG NGỪA<sup>1</sup>**

1. Hệ thống thẻ kiểm soát an ninh nội bộ

1.1. Hệ thống thẻ nhận dạng tổ bay.

1.2. Hệ thống thẻ nhận dạng cấp cho cán bộ, nhân viên của hãng.

2. Bảo đảm an ninh các khu vực hạn chế do hãng quản lý, hoạt động

2.1. Các tiêu chuẩn đối với an ninh sân bay.

2.2. Các khu vực hạn chế tại sân bay.

2.3. Các khu vực hạn chế của hãng.

2.4. Giám sát an ninh khai thác của hãng tại sân bay.

3. Bảo đảm an ninh tàu bay

3.1. Quy định chung.

3.2. Kiểm soát tiếp cận, vào tàu bay.

3.3. Tuần tra, giám sát và bảo vệ tàu bay.

3.4. Niêm phong an ninh tàu bay.

3.5. Biện pháp phòng ngừa cho chuyến bay.

3.6. Kiểm tra, lục soát an ninh tàu bay.

3.7. Biện pháp kiểm soát an ninh hàng không tăng cường.

3.8. Biện pháp bảo đảm an ninh đối với chuyến bay bị đe dọa.

3.9. Thiết bị an ninh hàng không trang bị trên tàu bay.

4. Bảo đảm an ninh tài liệu

4.1. Bảo đảm an ninh tài liệu của chuyến bay.

4.2. Bảo đảm an ninh tài liệu của hãng.

---

<sup>1</sup> Phải nêu rõ việc thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh phòng ngừa trong trường hợp có sự quan an trên không và trong trường hợp không có sự quan an trên không.

- 4.3. Bảo đảm an ninh thông tin hành khách.
- 4.4. Xử lý, kiểm soát tài liệu an ninh nhận từ bên ngoài.
- 5. Bảo đảm an ninh dịch vụ vệ sinh tàu bay
- 6. Bảo đảm an ninh suất ăn, đồ phục vụ trên tàu bay
  - 6.1. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với suất ăn.
  - 6.2. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với đồ phục vụ.
- 7. Bảo đảm an ninh nhiên liệu hàng không
- 8. Bảo đảm an ninh hành khách, hành lý xách tay
  - 8.1. Quy định chung.
  - 8.2. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách và hành lý xách tay.
  - 8.3. Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với túi ngoại giao, túi lãnh sự.
  - 8.4. Vận chuyển vũ khí, đạn, công cụ hỗ trợ.
  - 8.5. Vận chuyển đối tượng tiềm ẩn uy hiếp an ninh hàng không.
- 9. Bảo đảm an ninh hành lý ký gửi
  - 9.1. Kiểm tra an ninh hàng không đối với hành lý ký gửi.
  - 9.2. Giám sát an ninh hàng không đối với hành lý ký gửi.
  - 9.3. Vận chuyển hành lý ký gửi là phụ tùng, vật tư tàu bay.
  - 9.4. Vận chuyển đồng bộ hành khách và hành lý.
  - 9.5. Lưu giữ hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận.
- 10. Bảo đảm an ninh hàng hóa, bưu gửi
  - 10.1. Kiểm tra an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi.
  - 10.2. Giám sát an ninh hàng không đối với hàng hóa, bưu gửi.
  - 10.3. Vận chuyển hàng hóa, bưu gửi chuyên tiếp tàu bay.
  - 10.4. Vận chuyển hàng hoá có giá trị cao.
  - 10.5. Vận chuyển hàng hóa, bưu gửi của khách hàng quen.
  - 10.6. Vận chuyển hàng hóa, bưu gửi của khách hàng lạ.
  - 10.7. Lưu giữ hàng hóa thất lạc, hàng hóa không có người nhận.
- 11. Bảo đảm an ninh chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay liên doanh, liên danh, hoạt động thuê tàu bay không có tổ bay, thuê tàu bay có tổ bay; chuyến bay hàng không chung, có điểm đỗ ngoài cảng hàng không, sân bay.
  - 11.1. Các nguyên tắc, quy định chung, các yêu cầu cho công tác bảo đảm an ninh hàng không khi khai thác.
  - 11.2. Triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh đối với chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay liên doanh, liên danh, hoạt động thuê tàu bay không có tổ bay, thuê tàu bay có tổ bay, chuyến bay hàng không chung.

11.3. Quy trình bảo đảm an ninh canh gác, giám sát, bảo vệ tàu bay khi đang khai thác, kiểm soát tiếp cận, lên tàu bay, kiểm tra, lục soát an ninh tàu bay.

11.4. Quy trình bảo đảm an ninh hành khách, hành lý.

11.5. Quy trình canh gác, giám sát, bảo vệ tàu bay khi không khai thác, niêm phong an ninh hàng không.

12. Bảo đảm an ninh hệ thống công nghệ thông tin

12.1. Mục đích, nguyên tắc bảo đảm an ninh công nghệ thông tin.

12.2. Biện pháp bảo đảm an ninh công nghệ thông tin.

12.3. Trách nhiệm bảo đảm an ninh công nghệ thông tin.

12.4. Báo cáo an ninh công nghệ thông tin.

13. Kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không

13.1. Mục đích, nguyên tắc, phương châm kiểm soát an ninh nội bộ.

13.2. Đối tượng kiểm soát an ninh nội bộ.

13.3. Trách nhiệm, nội dung, biện pháp kiểm soát an ninh nội bộ.

#### **Chương IV. CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN AN NINH HÀNG KHÔNG**

1. Chính sách huấn luyện an ninh hàng không.

2. Trách nhiệm huấn luyện an ninh hàng không.

3. Bồi dưỡng nghiệp vụ lực lượng kiểm soát an ninh hàng không của hãng.

4. Huấn luyện kiến thức an ninh hàng không.

5. Huấn luyện nhận thức về an ninh hàng không.

6. Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện an ninh hàng không.

#### **Chương V. PHƯƠNG ÁN KHẨN NGUY AN NINH HÀNG KHÔNG<sup>2</sup>**

1. Quy định chung về phương án khẩn nguy an ninh hàng không.

2. Các phương án cụ thể đối phó can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

3. Diễn tập khẩn nguy an ninh hàng không.

4. Trục ban an ninh hàng không.

#### **Chương VI. ĐIỀU TRA, XỬ LÝ VỤ VIỆC VI PHẠM AN NINH HÀNG KHÔNG<sup>3</sup>**

1. Nguyên tắc điều tra, xử lý.

2. Mục đích và yêu cầu điều tra, xử lý.

3. Quy trình điều tra, xử lý.

4. Trách nhiệm xử lý.

<sup>2</sup> Phải nêu rõ việc thực hiện các biện pháp ứng phó khẩn nguy trong trường hợp có sự quan an trên không và trong trường hợp không có sự quan an trên không.

<sup>3</sup> Phải nêu rõ việc thực hiện điều tra, xử lý vụ việc vi phạm an ninh hàng không trong trường hợp có sự quan an trên không và trong trường hợp không có sự quan an trên không.

5. Báo cáo.
6. Giảng bình, rút kinh nghiệm.
7. Lưu trữ hồ sơ.

#### **Chương VII. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG**

1. Quy định chung về kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.
2. Yêu cầu đối với hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.
3. Trách nhiệm kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.
4. Quy định về giám sát viên an ninh nội bộ.
5. Đánh giá, khảo sát an ninh hàng không.
6. Thử nghiệm an ninh hàng không.
7. Kiểm soát chất lượng các đơn vị cung cấp dịch vụ cho hãng.
9. Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu an ninh hàng không.

#### **Chương VIII. QUẢN LÝ RỦI RO AN NINH HÀNG KHÔNG**

1. Quy định chung về quản lý rủi ro.
2. Tổ chức công tác đánh giá rủi ro.
3. Báo cáo kết quả đánh giá rủi ro.
4. Sử dụng báo cáo rủi ro.
5. Lưu giữ hồ sơ quản lý rủi ro.

#### **Chương IX. CÁC PHỤ LỤC.”**